TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:83/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 6 - 2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Quyến;
2. Ông Huỳnh Mẫn Xuyên.

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc *"Tranh chấp Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-HN, ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đinh Văn L**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: **Bùi Thị A**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp T, xã B huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Đinh Văn L (Sau đây gọi anh L) trình bày:

Giữa anh và bị đơn Bùi Thị A (Sau đây gọi chị A) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm chia sẻ nhau trong cuộc sống, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không

thành nên đã sống ly thân. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, anh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với chị A.

-Về con chung: Có hai người con chung tên Đinh Thị Anh T (Nữ), sinh ngày 24 tháng 10 năm 2010 và cháu Đinh Thị Kiều Th (Nữ), sinh ngày 01 tháng 12 năm 2015. Từ khi ly thân đến nay thì cháu T sống với anh, cháu T sống với vợ anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T. Đồng ý để vợ anh tiếp tục nuôi cháu Th. Chưa ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02 tháng 6 năm 2022 bị đơn Bùi Thị A có lời trình bày: Vợ chồng chị chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống do bất đồng quan điểm nên sống không hạnh phúc, nay anh Lựa xin ly hôn, chị cũng đồng ý.

Về con chung đồng ý nuôi cháu Th, anh L nuôi cháu T chưa ai phải cấp dưỡng. Về nợ và tài sản chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai cháu Đinh Thị Anh Ttrình bày (Có sự chứng kiến của anh L): Khi cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với cha.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho nguyên đơn và bị đơn mỗi người nuôi một cháu. Chưa ai phải cấp dưỡng, về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Đinh Văn L và chị Bùi Thị A đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh L qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 02 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh L: Anh và chị A trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân, xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ nhưng anh L xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Avà cương quyết xin ly hôn; Chị A cũng đồng ý ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L.

[5] Về con chung: Xét từ khi ly thân đến nay cháu T sống với anh L, cháu có nguyện vọng được sống với cha. Anh L có yêu cầu được nuôi cháu T, yêu cầu này là phù hợp với nguyện vọng của cháu T.

[5.1] Cháu Th hiện đang sống với chị A, chị A cũng có yêu cầu được nuôi cháu Th. Nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của các cháu, cần tiếp tục giao cháu Th cho anh L nuôi dưỡng, giao cháu Th cho chị A nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị A, anh L có yêu cầu khác.

[5.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chưa ai có yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị A và anh L mà không ai có quyền cản trở.

[6] Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận;

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đinh Văn L và chị Bùi Thị A.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đinh Thị Anh T (Nữ), sinh ngày 24 tháng 10 năm 2010 cho anh Đinh Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị A, anh L có yêu cầu khác.

Giao cháu Đinh Thị Kiều Th (Nữ), sinh ngày 01 tháng 12 năm 2015 cho chị Bùi Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị A , anh L có yêu cầu khác.

Chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Đinh Văn L và chị Bùi Thị A mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Đinh Văn L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008113, ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã B, h. H, t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm